

Số: 14 /2019/TT-BTC

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2019

THÔNG TƯ
Quy định về quản lý tài chính thực hiện
Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 - 2020;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 - 2020 quy định tại Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 - 2020 (sau đây gọi là Chương trình).

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, thực hiện Chương trình và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Kinh phí thực hiện Chương trình

Kinh phí thực hiện Chương trình được bảo đảm từ các nguồn:

1. Nguồn ngân sách nhà nước:

a) Nguồn chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc ngân sách trung ương để hỗ trợ các dự án, đề tài (sau đây gọi là nhiệm vụ), các hoạt động chung và các nhiệm vụ thường xuyên thuộc Chương trình do trung ương trực tiếp quản lý, gồm:

- Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia của Chương trình (do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý): Bao gồm các nhiệm vụ đảm bảo các tiêu chí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn thực hiện; trong đó ưu tiên cho các nhiệm vụ thực hiện ở những vùng, địa phương có điều kiện khó khăn và các nhiệm vụ có tính chất điển hình, phức tạp, có tính đặc thù về chuyên môn theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ (do các Bộ, cơ quan trung ương quản lý): Bao gồm các nhiệm vụ thuộc Chương trình theo tiêu chí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ; trong đó ưu tiên cho các nhiệm vụ về nâng cao nhận thức, năng lực tạo lập và phát triển tài sản trí tuệ trong các tổ chức khoa học và công lập trực thuộc các Bộ, cơ quan trung ương.

- Các hoạt động chung và nhiệm vụ thường xuyên thực hiện Chương trình.

b) Nguồn chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình do địa phương quản lý; chỉ các hoạt động chung và nhiệm vụ thường xuyên thực hiện Chương trình do địa phương quản lý; đối ứng thực hiện các nhiệm vụ cấp quốc gia triển khai tại địa phương (trong trường hợp cần thiết huy động thêm nguồn lực của địa phương).

2. Nguồn kinh phí khác, gồm:

a) Kinh phí của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

b) Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ và sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước

1. Việc cân đối nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình căn cứ theo cơ cấu tỷ lệ với các nguồn kinh phí huy động khác ngoài ngân sách theo nhiệm vụ được phê duyệt. Nhà nước đảm bảo bố trí đủ kinh phí hỗ trợ cho các nhiệm vụ được phê duyệt theo nội dung và nguyên tắc quy định tại Thông tư này.

2. Kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước được lập kế hoạch chi tiết theo từng loại nguồn vốn; được phân bổ và sử dụng theo tiến độ và cơ cấu nguồn vốn của nhiệm vụ đã được phê duyệt.

3. Nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình quy định tại Chương II của Thông tư này là các mức tối đa. Căn cứ theo các tiêu chí, điều kiện tuyển chọn các tổ chức, cá nhân tham gia Chương trình và khả năng cân đối nguồn lực, Bộ trưởng các Bộ, Thủ

trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (đối với các nhiệm vụ của Chương trình do ngân sách địa phương đảm bảo) quyết định cụ thể các nội dung, mức chi thực hiện Chương trình, đảm bảo phù hợp với nguyên tắc quy định tại Thông tư này.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình có hiệu quả, không trùng lặp với các chương trình, dự án khác; đảm bảo đúng mục đích, đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc huy động các nguồn tài chính

1. Các nhiệm vụ thuộc Chương trình phải có phương án huy động các nguồn tài chính, trong đó nêu đầy đủ nhu cầu về kinh phí, chi tiết theo từng nguồn nêu tại Điều 2 của Thông tư này và thuyết minh rõ khả năng huy động các nguồn tài chính để thực hiện.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phê duyệt nhiệm vụ thuộc Chương trình, căn cứ vào quy định tại Thông tư này xác định mức chi từ nguồn kinh phí khác thực hiện nhiệm vụ, đảm bảo cơ cấu tài chính, kinh phí thực hiện Chương trình.

3. Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm chủ động huy động các nguồn lực ngoài ngân sách, sử dụng và giải ngân nguồn kinh phí huy động theo đúng phương án huy động các nguồn tài chính, đảm bảo về cơ cấu theo tỷ lệ với nguồn ngân sách nhà nước đã được phê duyệt.

4. Định mức chi, công tác hạch toán, quyết toán nguồn kinh phí khác được thực hiện theo các quy định hiện hành đối với từng loại nguồn vốn, khuyến khích các đơn vị thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Nội dung và mức chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ nâng cao nhận thức, năng lực tạo lập và phát triển tài sản trí tuệ

1. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về tài sản trí tuệ: Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

2. Đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về tài sản trí tuệ; biên soạn, phát hành tài liệu về tài sản trí tuệ: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

3. Tổ chức hội nghị, hội thảo để hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiếp cận, khai thác thông tin sở hữu trí tuệ: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

4. Hỗ trợ kinh phí để thiết kế, xây dựng bộ công cụ tra cứu, các gói thông tin sở hữu trí tuệ chuyên ngành; xây dựng và triển khai mô hình quản lý và phát triển tài sản trí tuệ trong các doanh nghiệp và tổ chức khoa học và công nghệ:

a) Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 - 2020 (sau đây gọi là Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN).

b) Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi là Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN).

c) Mức kinh phí hỗ trợ:

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí trên cơ sở khả năng thu của đơn vị (tối đa không quá 70% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ).

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, doanh nghiệp và các tổ chức khác: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

Điều 6. Nội dung và mức chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và bảo vệ tài sản trí tuệ

1. Hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ trong nước đối với các sản phẩm, dịch vụ, ưu tiên các đối tượng là kết quả nghiên cứu khoa học, sản phẩm chủ lực, sản phẩm quốc gia, kiểu dáng sản phẩm và giống cây trồng mới:

a) Đối với đơn đăng ký bảo hộ sáng chế: Tối đa không quá 30 triệu đồng/đơn.

b) Đối với đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp: Tối đa không quá 15 triệu đồng/đơn.

c) Đối với giống cây trồng mới: Tối đa không quá 30 triệu đồng/đơn.